

Số: 21 /TB-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 16 tháng 9 năm 2019

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2019-2020

Căn cứ Kế hoạch số 03/KH-SGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2019-2020; Công văn số 1808/SGDĐT-TCCBTC ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2019-2020;

Căn cứ Thông báo số 20/TB-SGDĐT ngày 10/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc xét tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2019-2020;

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo nhu cầu đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm học 2019-2020, cụ thể như sau:

1. Vị trí việc làm gắn với các nhiệm vụ hoạt động nghề nghiệp giáo viên: **53** chỉ tiêu (có bảng chỉ tiêu chi tiết ở từng đơn vị có nhu cầu tuyển dụng kèm theo).
2. Vị trí việc làm gắn với nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ (nhân viên): **18** chỉ tiêu (có bảng chỉ tiêu chi tiết ở từng đơn vị có nhu cầu tuyển dụng kèm theo).
3. Tài liệu ôn tập xét tuyển: Danh mục tài liệu ôn tập trong kỳ xét tuyển (đính kèm theo Thông báo).

Lưu ý: Các vị trí tuyển dụng dành cho người dân tộc thiểu số thì ứng viên người dân tộc kinh không được đăng ký dự tuyển.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo để các cơ quan, đơn vị và các ứng viên tham gia xét tuyển được biết. /

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (theo dõi);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (thông báo);
- Báo Đắk Nông (đăng tin);
- Website Sở GDĐT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TCCBTC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Toàn



BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN NĂM HỌC 2019-2020
(Kèm theo Thông báo số 21../TB-SGDĐT ngày 16/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Trưởng	Biên chế được giao 2019	Biên chế hiện có	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đại học trở lên													Trung cấp trở lên	Ghi chú						
					Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Công nghệ (KTNN)	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Giáo dục công dân (GDCD)	Tiếng Anh	Tin học	Giáo dục Quốc phòng	Giáo viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập								
1	THPT Krông Nô	91	87	3			1			1	1														
2	THPT Hùng Vương	27	24	1				1																	
3	THPT Trần Phú	44	43	1				1																	
4	THPT Quang Trung	51	48	2	1	1																			
5	THPT Nguyễn Du	55	49	3		1															1	1			
6	THPT Phan Đình Phùng	36	35	1		1																			
7	THPT Lương Thế Vinh	29	23	2										1	1										
8	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	78	60	11	4	1	1		1		1	1									1	1			01 chỉ tiêu Công nghệ dành cho DTTS
9	THPT DTNT N'Trang Long	51	46	2		1				1															
10	THPT Lê Duẩn	37	31	3				1		1											1				01 chỉ tiêu Sinh học, 01 chỉ tiêu Tin học dành cho DTTS
11	PTĐDINT THCS & THPT Đắk Glông	27	23	1					1																
12	THPT Nguyễn Tất Thành	59	56	1			1																		
13	THPT Trường Chinh	53	50	3			1					1									1				
14	THPT Nguyễn Đình Chiểu	42	35	5	2	1															1	1			01 chỉ tiêu Toán, 01 chỉ tiêu Quốc phòng dành cho DTTS

TT	Trường	Biên chế được giao 2019	Biên chế hiện có	Chỉ tiêu tuyển dụng	Đại học trở lên											Trung cấp trở lên	Ghi chú	
					Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Công nghệ (KTNN)	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Giáo dục công dân (GDGD)	Tiếng Anh	Tin học			Giáo dục Quốc phòng
15	THPT Lê Quý Đôn	44	40	4	1				1				1	1			01 chỉ tiêu Tin học dành cho DTTS	
16	PTDTNT THCS&THPT Tuy Đức	27	19	4	1							1	1		1		01 chỉ tiêu GDGD, 01 chỉ tiêu Quốc phòng dành cho DTTS	
17	Trung tâm Hỗ trợ phát triển GDHN	18	9	6											6		01 chỉ tiêu GD hòa nhập dành cho DTTS	
CỘNG					53	9	6	4	3	1	5	2	2	2	4	5	4	6

BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU TUYỂN DỤNG NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2019-2020
(Kèm theo Thông báo số .../SL.../TB-SGDĐT ngày .../.../2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Trường	Biên chế được giao 2019	Biên chế hiện có	Chỉ tiêu tuyển dụng	Trung cấp trở lên							Cao đẳng trở lên		Ghi chú	
					Nhân viên hỗ trợ giáo dục khuyết tật	Kế toán	Thủ quỹ - Văn thư	Thư viện	Y tế	Công nghệ thông tin	Thiết bị	Giáo vụ			
1	Trường THPT Hùng Vương	27	24	1				1							
2	Trường PTDTNT THCS&THPT Krông Nô	27	21	1		1									
3	Trường THPT Đắk Mil	74	72	1			1								
4	Trường THPT Nguyễn Du	55	49	2				1				1			
5	Trường PTDTNT THCS&THPT Đắk Mil	27	23	1								1			
6	Trường THPT Lương Thế Vinh	29	23	3		1		1	1						
7	Trường THPT DTNT N'Trang Long	51	46	1				1							
8	Trường THPT Lê Duẩn	37	31	1			1								
9	Trường PTDTNT THCS&THPT Đắk Glong	27	23	2								1	1		01 chỉ tiêu giáo vụ dành cho DTTS
10	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	59	56	1								1			
11	Trường PTDTNT THCS&THPT Tuy Đức	27	19	1						1					
12	Trung tâm Hỗ trợ phát triển GDHN	18	9	3	2	2	2	4	2	1					
CỘNG				18	2	2	2	4	2	1	4	1			



DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP XÉT TUYỂN VÒNG 2
Trong kỳ tuyển dụng viên chức giáo dục năm học 2019-2020
(Kèm theo Thông báo số 21 /TB-SGDĐT ngày 16 /9/2019
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông)

1. Dự tuyển vị trí giáo viên trung học phổ thông

1.1. Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

1.2. Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.

1.3. Chuẩn kiến thức, kỹ năng và Sách giáo khoa lớp 10, 11, 12 (hiện hành) đối với từng vị trí dự tuyển.

1.4. Sách giáo viên lớp 10, 11, 12 (hiện hành).

1.5. Phương pháp dạy học; đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

1.6. Kỹ năng ứng xử tình huống sư phạm.

2. Dự tuyển vị trí giáo viên Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập

2.1. Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

2.2. Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và xã hội - Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

2.3. Vấn đề liên quan đến nội dung và phương pháp giảng dạy Giáo dục hòa nhập.

3. Dự tuyển vị trí Nhân viên thư viện

3.1. Quyết định Số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.

3.2. Quyết định Số 01/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 01 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi bổ sung Quyết định Số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.

3.3. Công văn Số 11185/GDTH ngày 17 tháng 12 năm 2004 của Bộ Giáo

dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.

3.4. Một số vấn đề liên quan đến nghiệp vụ thư viện ở cơ sở giáo dục phổ thông.

4. Dự tuyển vị trí Nhân viên thiết bị, thí nghiệm

4.1. Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về phòng học bộ môn.

4.2. Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập.

4.3. Một số vấn đề liên quan đến nghiệp vụ viên chức làm công tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông.

5. Dự tuyển vị trí Nhân viên Văn thư

5.1. Thông tư số 14/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định chức danh, mã số ngạch, chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư.

5.2. Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ (*Giới hạn Chương 2: Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13*).

5.3. Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu (*Giới hạn Chương I: Điều 4, Điều 6. Chương II, Mục 3: Điều 11, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18*).

5.4. Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan (*Giới hạn Chương 1: Điều 3. Chương 2: Điều 4, Điều 5, Điều 6. Chương 3: Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12. Chương 4: Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17*).

5.5. Một số vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Văn thư ở cơ sở giáo dục phổ thông.

6. Dự tuyển vị trí Nhân viên Kế toán

6.1. Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính Ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

6.2. Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6.3. Thông tư số 09/2010/TT-BNV ngày 11 tháng 09 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ (*Giới hạn Điều 5, Điều 6, Điều 7*)

6.4. Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27 tháng 03 năm 2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước.

6.5. Một số vấn đề liên quan đến nghiệp vụ Kế toán ở cơ sở giáo dục phổ thông.

7. Dự tuyển vị trí Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

7.1. Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập.

7.2. Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và xã hội - Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

7.3. Một số vấn đề liên quan đến nghiệp vụ người làm công tác hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

8. Dự tuyển vị trí Nhân viên giáo vụ

8.1. Thông tư số 07/2019/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học phổ thông chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập.

8.2. Một số vấn đề liên quan đến nghiệp vụ người làm công tác giáo vụ ở các trường chuyên biệt.

9. Dự tuyển vị trí Nhân viên y tế trường học

9.1. Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ.

9.2. Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công tác y tế trường học.

9.3. Một số vấn đề liên quan đến nghiệp vụ người làm công tác Y tế ở cơ sở giáo dục phổ thông.

10. Dự tuyển vị trí Nhân viên Thủ quỹ trường học

10.1. Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi năng ngạch công chức.

10.2. Một số vấn đề liên quan đến nghiệp vụ người làm công tác Thủ quỹ ở cơ sở giáo dục phổ thông.

11. Dự tuyển vị trí Nhân viên Công nghệ thông tin

11.1. Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.

11.2. Một số vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ người làm công tác Công nghệ thông tin ở cơ sở giáo dục phổ thông.